

Số: /SYT-NVY Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

V/v cập nhật Tiêu chí đảm bảo
các điều kiện an toàn người
bệnh khi thực hiện kỹ thuật
chuyên khoa da liễu tại các cơ
sở khám bệnh, chữa bệnh không
giường nội trú (phiên bản 2.1)

Kính gửi:

- Phòng Y tế thành phố Thủ Đức, quận, huyện;
- Phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa da liễu.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, Sở Y tế ban hành công văn số 12602/SYT-NVY về việc hướng dẫn Tiêu chí đảm bảo an toàn khi thực hiện kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường nội trú (phiên bản 2.0) nhằm hỗ trợ các phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa da liễu (sau đây gọi tắt là “Phòng khám”) trên địa bàn Thành phố tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, để hướng dẫn các Phòng khám thuận lợi khi tiếp cận các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn, đảm bảo an toàn người bệnh, ngày 31 tháng 12 năm 2024 Sở Y tế đã ban hành Công văn số 14047/SYT-NVY về việc cập nhật tiêu chí kiểm soát nhiễm khuẩn tối thiểu áp dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có giường bệnh nội trú.

Qua thời gian triển khai, đánh giá điều kiện về thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các Phòng khám, Sở Y tế nhận thấy các Phòng khám đã nỗ lực phấn đấu thực hiện. Tuy nhiên vẫn còn một số Phòng khám chưa chủ động cập nhật những quy định mới hiện hành, dẫn đến chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện các kỹ thuật chuyên môn.

Nhằm tiếp tục phát huy những ưu điểm từ Tiêu chí phiên bản 2.0, Sở Y tế đã tổ chức buổi họp với các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực da liễu như Liên Chi hội Da liễu TP.HCM, Bệnh viện Da liễu TP.HCM, Trường Đại học Y Dược TP.HCM và Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch để thống nhất và cập nhật “Tiêu chí đảm bảo các điều kiện an toàn người bệnh khi thực hiện kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường nội trú (phiên bản 2.1)”. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các phòng khám triển khai thực hiện, phục vụ công tác thẩm định năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn của phòng khám đạt hiệu quả, Sở Y tế đề nghị: 1) Các Phòng khám đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thực hiện rà soát, củng cố các điều kiện để đáp ứng “Tiêu chí đảm bảo các điều kiện an toàn người bệnh khi thực hiện kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường nội trú (phiên bản 2.1)”, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và báo cáo về Sở Y tế trước ngày 30 tháng 3 năm 2025; 2) Đối với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu,

cần chủ động nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh; đồng thời nghiên cứu các nội dung của “Tiêu chí đảm bảo các điều kiện an toàn người bệnh khi thực hiện kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường nội trú (phiên bản 2.1)” để thực hiện.

Giao Phòng Y tế thành phố Thủ Đức và quận, huyện, triển khai nội dung Công văn này đến các phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa da liễu đã được cấp giấy phép hoạt động trên địa bàn quản lý để biết và thực hiện; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Phòng Y tế và tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật để giúp các cá nhân, tổ chức khi có nhu cầu hoạt động khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu kịp thời nắm bắt các quy định pháp luật hiện hành.

Sở Y tế sẽ tiến hành kiểm tra, đánh giá các điều kiện theo “Tiêu chí đảm bảo các điều kiện an toàn người bệnh khi thực hiện kỹ thuật chuyên khoa da liễu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường nội trú (phiên bản 2.1)”, thời gian dự kiến bắt đầu từ Quý II/2025.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị báo cáo về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y – ĐT: 0283.930.9981) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLKCB – Bộ Y tế;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử SYT (để tra cứu);
- Lưu: VT, NVY (HHT, PTHD).

(Đính kèm phụ lục)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Dũng

Phụ lục 1**TIÊU CHÍ ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI THỰC HIỆN KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA DA LIỄU TẠI CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÔNG GIƯỜNG NỘI TRÚ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

I. Căn cứ pháp lý

Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật (gọi tắt là Thông tư 50/2014/TT-BYT);

Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Y tế quy định về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ;

Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Thông tư số 32/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế quy định về phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Bộ Y tế quy định về phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Quyết định số 4790/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Bộ Y tế quy định về ban hành tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành da liễu;

Quyết định số 3023/QĐ-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Bộ Y tế quy định về ban hành Đề cương tài liệu chuyên môn hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám chữa bệnh;

Công văn số 14047/SYT-NVY ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế về việc cập nhật tiêu chí kiểm soát nhiễm khuẩn tối thiểu áp dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có giường bệnh nội trú (gọi tắt là Công văn 14047/SYT-NVY).

II. Đối tượng áp dụng

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường bệnh nội trú gồm các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, liên chuyên khoa (gọi chung là phòng khám) có thực hiện các kỹ thuật chuyên khoa da liễu.

III. Điều kiện thực hiện

TT	Nội dung
A.	Nhân sự
A.1.	<p>Bác sĩ có giấy phép hành nghề chuyên khoa da liễu, có các văn bằng, chứng chỉ đào tạo liên quan đến các kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với bác sĩ có giấy phép hành nghề chuyên khoa da liễu chưa được đào tạo sau đại học về chuyên khoa da liễu: được thực hiện các kỹ thuật (<i>Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng, Điều trị hạt com bằng Nitơ lỏng, Điều trị sẩn cục bằng Nitơ lỏng, Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng, Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn, Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da, Điều trị bệnh trứng cá bằng máy, Điều trị lão hóa da bằng máy, Điều trị nếp nhăn da bằng máy, Điều trị râm má bằng máy, Điều trị tàn nhang bằng máy, Điều trị viêm da cơ địa bằng máy, Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da, Chăm sóc người bệnh bị pemphigoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq, Trẻ hóa da bằng chiếu đèn LED, Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED..., Thủy trị liệu bằng máy</i>). Các kỹ thuật còn lại khi thực hiện phải có chứng chỉ đào tạo phù hợp. - Đối với bác sĩ có giấy phép hành nghề chuyên khoa da liễu và có trình độ đào tạo chuyên khoa I về da liễu hoặc tương đương: được thực hiện tất cả các kỹ thuật chuyên khoa da liễu; riêng kỹ thuật được phân loại phẫu thuật, thủ thuật loại I, loại đặc biệt theo Thông tư 50/2014/TT-BYT cần có chứng chỉ đào tạo phù hợp. - Đối với bác sĩ có giấy phép hành nghề chuyên khoa da liễu và có trình độ đào tạo chuyên khoa II về da liễu hoặc tương đương: được thực hiện tất cả các danh mục kỹ thuật chuyên khoa da liễu; riêng kỹ thuật tiêm chất làm đầy, cần có chứng chỉ đào tạo về tiêm chất làm đầy.
A.2.	Khuyến khích các phòng khám bổ sung 01 nhân sự có giấy phép hành nghề để hỗ trợ bác sĩ thực hiện các kỹ thuật. Riêng các cơ sở có thực hiện các kỹ thuật xâm lấn, đảm bảo có ít nhất 01 nhân sự có giấy phép hành nghề để hỗ trợ bác sĩ.
B.	Cơ sở vật chất, trang thiết bị
B.1.	Bố trí khu vực chờ cho người bệnh.
B.2.	Phòng khám bệnh có giường bệnh, dụng cụ khám da liễu (kính lúp, đèn pin,.....).
B.3.	Phòng thủ thuật về liễu có bàn khám phụ khoa và dụng cụ khám bệnh đầy đủ (nếu có khám bệnh và thực hiện thủ thuật đối với các bệnh lây truyền qua đường tình dục).
B.4.	Phòng điều trị có đầy đủ giường bệnh, trang thiết bị tương ứng (nếu có thực hiện các kỹ thuật về chăm sóc da; kỹ thuật liên quan thiết bị phát năng lượng ánh sáng/Laser không xâm lấn).

TT	Nội dung
B.5.	<p>Nếu cơ sở có sử dụng các thiết bị phát năng lượng ánh sáng/Laser không xâm lấn thì phải đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đèn/biển báo hiệu thiết bị đang hoạt động; đèn/biển báo đặt ở bên ngoài phòng. - Cửa phòng làm bằng vật liệu không phản xạ tia và tia không xuyên qua; cửa mở dễ dàng thoát ra ngoài trong trường hợp khẩn cấp. - Tường, trần nhà, sàn nhà, bàn làm bằng vật liệu không phản chiếu; không để gương, khung hình có kính trong phòng. - Có kính, thiết bị bảo hộ mắt, da cho nhân viên y tế và người bệnh.
B.6.	Nếu có thực hiện các kỹ thuật xâm lấn thì thực hiện từ B.6.1 đến B.6.3 (tiêm, đốt điện, Laser CO₂, Laser fractional, PRP, lăn kim, Plasma...)
B.6.1.	Bố trí khu vực thay đồ cho nhân viên, có sẵn quần áo sạch, mũ, khẩu trang.
B.6.2.	Bố trí khu vực vệ sinh tay ngoại khoa đầy đủ phương tiện.
B.6.3.	Phòng thủ thuật đáp ứng các điều kiện:
B.6.3.1.	<i>Luôn có sẵn áo choàng vô khuẩn, mũ sử dụng 01 lần, khẩu trang sử dụng 01 lần và thay sau mỗi ca.</i>
B.6.3.2.	<i>Phòng thủ thuật không nên có quạt hút trên trần và không nên có cửa sổ thông thương trực tiếp bên ngoài.</i>
B.6.3.3.	<i>Tường của phòng thủ thuật sử dụng các vật liệu chịu nước, chống ăn mòn hóa chất, dễ vệ sinh từ sàn tới trần.</i>
B.6.3.4.	<i>Cửa phòng thủ thuật phẳng làm bằng chất liệu có thể vệ sinh, tẩy rửa; mở cửa không dùng tay.</i>
B.6.3.5.	<i>Thực hiện vệ sinh bề mặt các trang thiết bị và phòng thủ thuật sau mỗi ca. Nếu sử dụng đèn cực tím UV để khử khuẩn bề mặt thì phải sử dụng đèn UVC chuyên dụng còn hạn sử dụng.</i>
B.6.3.6.	<i>Khuyến khích có vùng đệm cho khu vực phòng thủ thuật.</i>
B.6.3.7.	<i>Khuyến khích bố trí phòng thủ thuật ở cuối hành lang, ít người qua lại và dễ dàng kiểm soát lượng người ra vào.</i>
B.6.3.8.	<i>Khuyến khích sàn phòng thủ thuật phải được phủ vật liệu nhân tạo chống mài mòn, chống nấm mốc, chống tĩnh điện.</i>
B.6.3.9.	<i>Khuyến khích giao tuyến của sàn với tường cong tròn chống bám bụi.</i>

TT	Nội dung
B.6.3.10.	<i>Khuyến khích giao tuyến của sàn với tường cong tròn chống bám bụi, dễ vệ sinh, chống đọng nước và không bám bụi.</i>
B.7.	Có đủ trang thiết bị cấp cứu tối thiểu theo quy định.
B.8.	Có đầy đủ trang thiết bị có tính năng, thông số kỹ thuật phù hợp các kỹ thuật đề nghị phê duyệt; trang thiết bị có nguồn gốc rõ ràng, có đầy đủ hợp đồng mua bán và hướng dẫn sử dụng.
B.9.	Có máy hút khói và khử mùi (nếu cơ sở có sử dụng máy Laser CO ₂ và máy đốt điện).
C.	Thuốc thiết yếu
C.1.	Trang bị đầy đủ thuốc cấp cứu phản vệ theo quy định Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 về hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.
C.2.	Trang bị các loại thuốc: Tê tại chỗ, kháng sinh bôi, corticosteroids
D.	Các quy định, quy trình kỹ thuật
D.1.	Có sơ đồ chẩn đoán và xử trí phản vệ tại phòng thủ thuật và khu vực có sử dụng thuốc.
D.2.	Có hướng dẫn xử trí ngộ độc thuốc tê.
D.3.	Có quy trình chuyên môn kỹ thuật đối với các kỹ thuật đề nghị phê duyệt.
E.	Kiểm soát nhiễm khuẩn
E.1.	Áp dụng Bộ tiêu chí kiểm soát nhiễm khuẩn tối thiểu áp dụng đối với hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không giường bệnh nội trú theo Công văn số 14047/SYT-NVY ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế
E.2.	Dụng cụ tiệt khuẩn, khăn, drap sử dụng riêng biệt cho từng người bệnh, không sử dụng chung một bộ cho nhiều người.
E.3.	Bác sĩ, điều dưỡng phải thực hiện vệ sinh tay ngoại khoa giữa mỗi người bệnh, tuyệt đối không chỉ thay găng khi làm thủ thuật tiếp theo.
E.4.	Có hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp phòng khám có xử lý dụng cụ y tế tái sử dụng có phát sinh chất thải lỏng hoặc giặt đồ vải lây nhiễm tại phòng khám.

Phụ lục 2

**PHẠM VI CHUYÊN MÔN VÀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN KHI THỰC HIỆN CÁC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA DA LIỄU TẠI CÁC CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÔNG GIƯỜNG NỘI TRÚ**

(Kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

TT	TT 23/2024/ TT- BYT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật	Nhân sự Bác sĩ có GPHN chuyên khoa da liễu		
					Bác sĩ	Chuyên khoa I về da liễu hoặc tương đương	Chuyên khoa II về da liễu hoặc tương đương
1.	5449	5.4	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO ₂ <i>(Chỉ được thực hiện những thương tổn đơn giản ở vùng sinh dục ngoài, diện tích < 5 cm²)**</i>	x‡	x‡	x
2.	5450	5.5	05. DA LIỄU	Điều trị hạt com bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
3.	5451	5.6	05. DA LIỄU	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
4.	5452	5.7	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
5.	5453	5.8	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
6.	5454	5.9	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
7.	5455	5.10	05. DA LIỄU	Điều trị sản cục bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
8.	5456	5.11	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO ₂ *	x‡	x	x
9.	5457	5.12	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma <i>(Chỉ được thực hiện những thương tổn đơn giản ở vùng sinh dục ngoài, diện tích < 5 cm²)**</i>	x‡	x	x
10.	5458	5.13	05. DA LIỄU	Điều trị hạt com bằng Plasma*	x‡	x	x
11.	5459	5.14	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng Plasma*	x‡	x	x
12.	5460	5.15	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng Plasma*	x‡	x	x
13.	5461	5.16	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma*	x‡	x	x
14.	5462	5.17	05. DA LIỄU	Điều trị sản cục bằng Plasma*	x‡	x	x
15.	5463	5.18	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng Plasma*	x‡	x	x

16.	5464	5.19	05. DA LIỄU	Điều trị hạt com bằng Nitơ lỏng ¹	×	×	×
17.	5465	5.20	05. DA LIỄU	Điều trị sẩn cục bằng Nitơ lỏng ¹	×	×	×
18.	5466	5.21	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng ¹	×	×	×
19.	5467	5.22	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng ¹	×	×	×
20.	5468	5.23	05. DA LIỄU	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da*	×‡	×	×
21.	5469	5.24	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn*	×‡	×	×
22.	5470	5.25	05. DA LIỄU	Điều trị u mạch máu bằng YAG-KTP (<i>các u mạch máu, dị dạng mạch máu ở da, đơn giản, nông, diện tích < 5cm²</i>)	×‡	×‡	×
23.	5471	5.26	05. DA LIỄU	Điều trị bớt tăng sắc tố bằng YAG-KTP	×‡	×‡	×
24.	5472	5.27	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng YAG-KTP	×‡	×‡	×
25.	5473	5.28	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng YAG-KTP	×‡	×‡	×
26.	5474	5.29	05. DA LIỄU	Điều trị u mạch máu bằng Laser màu (Pulsed Dye Laser) (<i>các u mạch máu, dị dạng mạch máu ở da, đơn giản, nông, diện tích < 5cm²</i>)	×‡	×‡	×
27.	5475	5.30	05. DA LIỄU	Điều trị giãn mạch máu bằng Laser màu	×‡	×‡	×
28.	5476	5.31	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng Laser màu	×‡	×‡	×
29.	5477	5.32	05. DA LIỄU	Điều trị u mạch máu bằng IPL (Intense Pulsed Light) (<i>các u mạch máu, dị dạng mạch máu ở da, đơn giản, nông, diện tích < 5cm²</i>)	×‡	×‡	×
30.	5478	5.33	05. DA LIỄU	Điều trị giãn mạch máu bằng IPL	×‡	×	×
31.	5479	5.34	05. DA LIỄU	Điều chỉnh tăng sắc tố bằng IPL	×‡	×	×
32.	5480	5.35	05. DA LIỄU	Điều trị chùng rậm lông bằng IPL	×‡	×	×
33.	5481	5.36	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lồi bằng IPL	×‡	×	×
34.	5482	5.37	05. DA LIỄU	Điều trị trứng cá bằng IPL	×‡	×	×
35.	5483	5.38	05. DA LIỄU	Xoá nếp nhăn bằng IPL	×‡	×	×
36.	5484	5.39	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA toàn thân	×‡	×	×
37.	5485	5.40	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ	×‡	×	×
38.	5486	5.41	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB toàn thân	×‡	×	×
39.	5487	5.42	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ	×‡	×	×
40.	5488	5.43	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	×‡	×	×

¹ Bình chứa Nitơ lỏng đúng tiêu chuẩn đo cơ sở có tư cách pháp nhân cung cấp

41.	5489	5.44	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện (Chỉ được thực hiện những thương tổn đơn giản ở vùng sinh dục ngoài, diện tích < 5 cm ²)*	×‡	×	×
42.	5490	5.45	05. DA LIỄU	Điều trị hạt com bằng đốt điện*	×‡	×	×
43.	5491	5.46	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện*	×‡	×	×
44.	5492	5.47	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện*	×‡	×	×
45.	5493	5.48	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện*	×‡	×	×
46.	5494	5.49	05. DA LIỄU	Điều trị sản cục bằng đốt điện*	×‡	×	×
47.	5495	5.50	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện*	×‡	×	×
48.	5496	5.51	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn*	×	×	×
49.	5509	5.64	05. DA LIỄU	Sinh thiết da ²	×‡	×	×
50.	5516	5.71	05. DA LIỄU	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	×	×	×
51.	5518	5.73	05. DA LIỄU	Điều trị đau do zona bằng chiếu Laser Hé- Né	×‡	×	×
52.	5528	5.83	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh trứng cá bằng máy ³	×	×	×
53.	5529	5.84	05. DA LIỄU	Điều trị lão hóa da bằng máy ³	×	×	×
54.	5530	5.85	05. DA LIỄU	Điều trị nếp nhăn da bằng máy ³	×	×	×
55.	5531	5.86	05. DA LIỄU	Điều trị râm má bằng máy ³	×	×	×
56.	5532	5.87	05. DA LIỄU	Điều trị tàn nhang bằng máy ³	×	×	×
57.	5533	5.88	05. DA LIỄU	Điều trị viêm da cơ địa bằng máy ³	×	×	×
58.	5534	5.89	05. DA LIỄU	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	×	×	×
59.	5536	5.91	05. DA LIỄU	Chăm sóc người bệnh bị pemphigoid, hồng ban đa dạng, Durhing Brocq...*	×	×	×
60.	5537	5.92	05. DA LIỄU	Xoá xăm bằng các kỹ thuật Laser Ruby	×‡	×‡	×
61.	5538	5.93	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng Laser Fractional, radiofrequency*	×‡	×‡	×
62.	5539	5.94	05. DA LIỄU	Xoá nếp nhăn bằng Laser Fractional, radiofrequency*	×‡	×‡	×
63.	5540	5.95	05. DA LIỄU	Điều trị các bớt sắc tố bằng Laser Ruby	×‡	×‡	×

² Phòng khám phải có qui trình và hợp đồng vận chuyển mẫu đến với cơ sở giải phẫu bệnh được cấp phép

64.	5541	5.96	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng các kỹ thuật Laser Fractional*	×‡	×‡	×
65.	5542	5.97	05. DA LIỄU	Điều trị râm má bằng Laser Fractional*	×‡	×‡	×
66.	5543	5.98	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng Radiofrequency (RF)	×‡	×‡	×
67.	5544	5.99	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu PRP)*	×‡	×‡	×
68.	5545	5.100	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)*	×‡	×‡	×
69.	5546	5.101	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng máy ³	×	×	×
70.	5547	5.102	05. DA LIỄU	Điều trị râm má bằng máy ³	×	×	×
71.	5548	5.103	05. DA LIỄU	Điều trị mụn trứng cá bằng máy ³	×	×	×
72.	5549	5.104	05. DA LIỄU	Điều trị rụng tóc bằng máy ³	×	×	×
73.	5550	5.105	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED	×	×	×
74.	5551	5.106	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm Botulinum toxin*	×‡	×‡	×
75.	5552	5.107	05. DA LIỄU	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	×	×	×
76.	5553	5.108	05. DA LIỄU	Trẻ hoá da bằng tiêm chất làm đầy (Filler)*	×‡	×‡	×‡
77.	5554	5.109	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh râm má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×

78.	5555	5.110	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
79.	5556	5.111	05. DA LIỄU	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
80.	5557	5.112	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
81.	5558	5.113	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
82.	5559	5.114	05. DA LIỄU	Điều trị dẫn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
83.	5560	5.115	05. DA LIỄU	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
84.	5561	5.116	05. DA LIỄU	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
85.	5562	5.117	05. DA LIỄU	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ*	×‡	×	×
86.	5568	BS_5.123	05. DA LIỄU	Thủy trị liệu bằng máy ⁴	×	×	×
87.	5569	BS_5.124	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu (RPR)*	×‡	×‡	×
88.	5570	BS_5.125	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh rụng tóc hoặc bệnh hói hoặc rạn da sử dụng phương pháp vi kim dẫn thuốc và tái tạo collagen*	×‡	×	×
89.	5571	BS_5.126	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh da sử dụng phương pháp vi kim dẫn thuốc và tái tạo collagen*	×‡	×	×
90.	5572	BS_5.127	05. DA LIỄU	Điều trị các bệnh về da sử dụng công nghệ ionphoresis	×	×	×
91.	5573	BS_5.128	05. DA LIỄU	Xoá nếp nhăn bằng Laser Fractional, Intracell*	×‡	×‡	×

³ Máy sử dụng công nghệ điện chuyển ion

⁴ Phòng riêng có bồn thủy trị liệu

92.	5574	BS_5.129	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh da bằng kỹ thuật ly trích huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)*	×‡	×‡	×
93.	5575	BS_5.130	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh da bằng chiếu đèn LED	×	×	×
94.	5576	BS_5.131	05. DA LIỄU	Dùng Laser, sóng cao tần trong điều trị sẹo > 2 cm*	×‡	×‡	×
95.	5578	BS_5.133	05. DA LIỄU	Kỹ thuật điều trị sẹo lõm sau mụn trứng cá bằng các phương pháp phối hợp d = 1 cm bằng Laser CO ₂ , radio, hóa chất*	×‡	×‡	×

Ghi chú:

- Các kỹ thuật (*) thực hiện tại phòng thủ thuật, các kỹ thuật còn lại thực hiện tại phòng điều trị.
- Các kỹ thuật (**) thực hiện tại phòng thủ thuật riêng.
- X: được thực hiện
- (‡): có chứng chỉ đào tạo liên quan phù hợp.